TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ
Ngày: 26/9/2022.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Xuân Hương;
Ông Lê Minh Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ số 199/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Ngọc Nhi H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Trọng T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Ngọc Nhi H trình bày: Bà H và ông Phạm Trọng Th tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 14/02/2017. Trong thời gian chung sống, giữa hai bên hay xảy ra mâu thuẫn, cải vã, không có tiếng nói chung do bất đồng quan điểm sống. Ông T không có nghề nghiệp công việc ổn định, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên tụ tập vui chơi với bạn bè. Bà H đã nhiều lần nói chuyện với ông T nhưng ông T vẫn không thay đổi tính tình, dẫn đến mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trầm trọng, ảnh hưởng đến tinh thần của bà H. Từ năm 2020 đến nay, giữa bà H và ông T không còn chung sống với nhau. Bà H xác định hiện không còn tình cảm với ông T, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn ông T. Về con chung: Bà H và ông T có 01 con

chung là Phạm Quốc H, sinh ngày 25/4/2017, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có.

Đối với bị đơn ông Phạm Trọng T, Tòa án nhân dân huyện D đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông T vắng mặt, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản xác minh, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú đối với ông T theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H được ly hôn với ông T; về con chung: Giao con chung cháu Phạm Quốc H, sinh ngày 25/4/2017 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông T không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có nên không xem xét, giải quyết; về án phí: Bà H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Ngọc Nhi H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Phạm Trọng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn bà Phan Ngọc Nhi H và bị đơn ông Phạm Trọng T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Khánh Hòa vào năm vào năm 2017 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong thời gian chung sống giữa bà Nhi và ông T nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà H và bà Nhi, xuất phát từ việc giữa hai bên không hợp nhau về tính tình, ông T không chăm lo làm ăn, ổn định cuộc sống gia đình. Tòa án nhân dân huyện D đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với ông T nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia tố tụng, điều nay thể hiện ông T bỏ mặc, không quan tâm, mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H. Vì vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn ông T.

[2.2]. Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là Phạm Quốc H, sinh ngày 25/4/2017. Xét hiện cháu H đang do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng; bà H có đủ điều kiện để nuôi con chung (bà H có công việc, thu nhập ổn định,

hiện đang làm việc ở Công ty TNHH dịch vụ tàu biển C tại thị xã N, Khánh Hòa). Vì vậy, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà H và ông T đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung

[2. 3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà H phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Phan Ngọc Nhi H được ly hôn ông Phạm Trọng T.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Phạm Quốc H, sinh ngày 25/4/2017 cho bà Phan Ngọc Nhi H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông Phạm Trọng T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Trọng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà H và ông T đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Phan Ngọc Nhi H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai số AA/2021/0007947 ngày 05/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã H (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ